

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Mạng lưới điểm quan trắc môi trường
tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và
môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định
432/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt
tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý
thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường để phục vụ công tác quản lý
nhà nước;*

*Theo đề nghị của: Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 272/TTr-STNMT
ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số
2133/SKHĐT-TH ngày 06 tháng 8 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai
đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên nhiệm vụ: Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Kon
Tum giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030.

2. Mục tiêu:

- Xây dựng mạng lưới điểm quan trắc các thành phần môi trường nước
mặt, nước ngầm, không khí, đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum đảm bảo đồng bộ,
phù hợp các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030 và
đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ môi trường.

- Thông qua bộ dữ liệu quan trắc môi trường để phản ánh tình hình, diễn biến chất lượng các thành phần môi trường xung quanh, phục vụ có hiệu quả cho công tác dự báo, cảnh báo, phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại do ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Lộ trình thực hiện mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh:

- Giai đoạn 1: Từ năm 2021 - 2025;
- Giai đoạn 2: Từ năm 2026 - 2030.

4. Các thành phần cơ bản của mạng lưới các điểm quan trắc:

4.1. Quan trắc môi trường nước mặt:

- Số lượng vị trí quan trắc (*Chi tiết tại Bảng 1 - Phụ lục đính kèm*):
- + Giai đoạn 2021 - 2025: 20 vị trí;
- + Giai đoạn 2026 - 2030: 22 vị trí (*Bổ sung 02 vị trí so với giai đoạn 2021 - 2025*).
- Thông số quan trắc: 17 thông số gồm: Nhiệt độ, pH, TSS, DO, BOD₅, COD, Amoni (NH₄⁺), Nitrat (NO₃⁻), Phốtphat (PO₄³⁻), Tổng dầu mỡ, Chì (Pb), Thủy ngân (Hg), Asen (As), Sắt (Fe), CN⁻, Coliform, E.coli (*Trong đó: có 09 thông số bắt buộc và 08 thông số không bắt buộc theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT*).
- Tần suất quan trắc 06 lần/năm.

4.2. Quan trắc môi trường nước dưới đất:

- Số lượng vị trí quan trắc (*Chi tiết tại Bảng 2 - Phụ lục đính kèm*):
- + Giai đoạn 2021 - 2025: 13 vị trí;
- + Giai đoạn 2026 - 2030: 15 vị trí (*Bổ sung 02 vị trí so với giai đoạn 2021 - 2025*).
- Thông số quan trắc: 15 thông số gồm: pH, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Chỉ số Pemanganat, Amoni (NH₄⁺), Nitrat (NO₃⁻), Sunphat (SO₄²⁻), Sắt (Fe), Đồng (Cu), Thủy ngân (Hg), Asen (As), Chì (Pb), Mangan (Mn), CN⁻, Coliform, E.coli (*Trong đó, có 07 thông số bắt buộc và 08 thông số không bắt buộc theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT*).
- Tần suất quan trắc: 04 lần/năm.

4.3. Quan trắc môi trường không khí:

- Số lượng vị trí quan trắc (*Chi tiết tại Bảng 3 - Phụ lục đính kèm*):
- + Giai đoạn 2021 - 2025: 20 vị trí;
- + Giai đoạn 2026 - 2030: 22 vị trí (*Bổ sung 02 vị trí so với giai đoạn 2021 - 2025*).
- Thông số quan trắc: 08 thông số: Các thông số khí tượng (Hướng gió, tốc độ gió, nhiệt độ, độ ẩm tương đối, áp suất khí quyển), lưu huỳnh đioxit (SO₂), nitơ đioxit (NO₂), cacbon monoxit (CO), ozon (O₃), bụi lơ lửng tổng số (TSP), bụi chì (Pb); PM₁₀.
- Tần suất quan trắc: 06 lần/năm.

4.4. Quan trắc tiếng ồn, độ rung:

- Số lượng vị trí quan trắc: Các vị trí quan trắc tiếng ồn, độ rung được thực hiện cùng với các vị trí quan trắc môi trường không khí (*Chi tiết tại Bảng 3 đính kèm*):

- Thông số quan trắc: 08 thông số: mức âm tương đương (Leq), mức âm tương đương cực đại (Lmax); mức gia tốc rung.

+ Tần suất quan trắc: 06 lần/năm.

4.5. Quan trắc môi trường đất:

- Số lượng vị trí quan trắc (*Chi tiết tại Bảng 4 - Phụ lục đính kèm*):

+ Giai đoạn 2021 - 2025: 08 vị trí;

+ Giai đoạn 2026 - 2030: 09 vị trí (*Bổ sung 01 vị trí so với giai đoạn 2021 - 2025*).

- Thông số quan trắc: 11 thông số gồm: pH(H₂O), pH (KCl), N tổng, P tổng, Đồng (Cu), Cadimi (Cd), Kẽm (Zn), Chì (Pb), Asen (As), Crôm (Cr), Hóa chất bảo vệ thực vật nhóm clo hữu cơ.

- Tần suất quan trắc: 02 lần/năm.

(Chi tiết có Báo cáo nhiệm vụ kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tổ chức công bố trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường Mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030 và kết quả quan trắc môi trường hằng năm trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì thực hiện các nội dung của mạng lưới quan trắc; tổ chức thực hiện quan trắc các thành phần môi trường hằng năm đảm bảo hiệu quả và chất lượng; theo dõi diễn biến chất lượng môi trường của tỉnh để kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp tổ chức thực hiện, ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban ngành, địa phương và các đơn vị có nhu cầu theo quy định của pháp luật; đồng thời thực hiện công khai các dữ liệu quan trắc theo quy định của pháp luật.

- Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, phối hợp với Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường để thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường theo mạng lưới điểm quan trắc đã được phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm nhằm triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện và kiến nghị những vấn đề mới phát sinh vượt thẩm quyền.

- Có trách nhiệm gửi kết quả phê duyệt Mạng lưới điểm quan trắc môi trường cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Kon Tum theo quy định; đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ, thủ tục, kết quả thẩm định, tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ trình duyệt và đảm bảo khối lượng, hạng mục công việc, thanh quyết toán tài chính không trùng lặp với nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư đang thực hiện tại Quy hoạch tỉnh.

2. Giao Sở Tài chính:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường hằng năm.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện Quyết định này tại địa phương, đơn vị; cập nhật thông tin, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) điều chỉnh mạng lưới điểm quan trắc trong trường hợp cần thiết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định sau: Quyết định số 1340/QĐ-UB ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng mạng lưới các điểm quan trắc trên địa bàn tỉnh Kon Tum”; Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt bổ sung các điểm quan trắc trên địa bàn huyện Ia H’Drai vào mạng lưới các điểm quan trắc trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 4. Chánh Văn phòng ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (*t/h*);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (*b/c*);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (*b/c*);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, PCVP_{KSX};
- Lưu: VT, NNTN.HVT, KTTH, HTKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục**VỊ TRÍ QUAN TRẮC CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030***(Kèm theo Quyết định số: 759 /QĐ-UBND ngày 19 / 8 /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)***Bảng 1. Vị trí quan trắc môi trường nước mặt**

TT	Vị trí các điểm quan trắc	Tên sông/ hồ	Loại điểm	Ký hiệu	Tọa độ		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
					X	Y		
I Huyện Đắk Glei (02 điểm)								
1	Sông Pô Kô cách cầu Đắk Man xã Đắk Man, huyện Đắk Glei khoảng 500 m về phía thượng lưu.	Sông Pô Kô	Nền	SPK0	1679193	0526903	x	x
2	Sông Pô Kô tại cầu treo thôn Đắk Sút, cách Nhà máy chế biến sản phẩm tinh bột từ nông sản thuộc Công ty Cổ phần Phương Hoa Kon Tum khoảng 1.000 m về hạ lưu.	Sông Pô Kô	Tác động	SPK1	1650021	0523279	x	x
II Huyện Ngọc Hồi (01 điểm)								
1	Tại cầu Đắk Kòn xã Đắk Nông, huyện Ngọc Hồi, cách đập Thủy điện Plei Kần khoảng 3 km về phía thượng lưu.	Sông Pô Kô	Tác động	SPK2	1629375	0521434	x	x
III Huyện Tu Mơ Rông (01 điểm)								
1	Đầu nguồn sông Đắk Psi phía thượng lưu so với khu dân cư xa nhất tại xã Măng Ri, huyện Tu Mơ Rông.	Sông Đắk Psi	Nền	SDPS0	1657749	0545209	x	x
IV Huyện Đắk Tô (04 điểm)								
1	Tại cầu Đắk Một đoạn giáp ranh giữa huyện Ngọc Hồi và huyện Đắk Tô.	Sông Pô Kô	Tác động	SPK3	1623031	0525435	x	x
2	Tại cầu Diên Bình xã Diên Bình, huyện Đắk Tô.	Sông Đắk Psi	Tác động	SDPS1	1616538	0539321	x	x
3	Tại cầu treo thôn Đắk Rao Lớn trước khi hợp thủy với sông Pô Kô.	Sông Đắk Tờ Kan	Tác động	SPK4	1618110	0535492	x	x
4	Sông Pô Kô cách điểm hợp lưu giữa sông Đắk Psi và sông Pô Kô khoảng 1.000 m về phía hạ lưu.	Sông Pô Kô	Tác động	SPK5	1614565	0536101	x	x

TT	Vị trí các điểm quan trắc	Tên sông/ hồ	Loại điểm	Ký hiệu	Tọa độ		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
					X	Y		
V	Huyện Đắk Hà (01 điểm)							
1	Sông Đắk Psi tại cầu treo gần UBND xã Đắk Psi, huyện Đắk Hà.	Sông Đắk Psi	Tác động	S _{DPS2}	1622447	0548257	x	x
VI	Huyện Sa Thầy (03 điểm)							
1	Sông Sê San cách ngã ba sông Đắk Bla và sông Pô Kô khoảng 1.000 m.	Sông Sê San	Tác động	S _{SS1}	1587408	0540646	x	x
2	Sông Đắk Sir cách Nhà máy tinh bột sắn Sa Nhơn khoảng 1.000 m về phía hạ lưu.	Sông Đắk Sir	Tác động	S _{PK6}	1600559	0529796	x	x
3	Sông Sa Thầy cách điểm hợp lưu với suối Ia Lon (hạ lưu dự án chăn nuôi bò sữa của Công ty CP bò sữa nông nghiệp công nghệ cao Kon Tum) khoảng 1.000 m về phía hạ lưu.	Sông Sa Thầy	Tác động	S _{ST2}	1588021	0502794		x
VII	Huyện Ia H'Drai (02 điểm)							
1	Sông Sa Thầy cách Nhà máy Tinh bột sắn Ia H'Drai khoảng 4 km về phía hạ lưu.	Sông Sa Thầy	Tác động	S _{ST1}	1550466	0494077	x	x
2	Sông Sê San cách Nhà máy thủy điện Sê San 4A khoảng 600 m về phía hạ lưu	Sông Sê San	Tác động	S _{SS2}	1540537	0495568	x	x
VIII	Huyện Kon Plông (02 điểm)							
1	Đầu nguồn sông Đắk Bla (Sông Đắk S'Nghé) xã Măng Bút, huyện Kon Plông.	Sông Đắk S'Nghé	Nền	S _{DL0}	1652946	0569837	x	x
2	Suối Đắk Ke tại cầu dây văng gần trung tâm thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông	Sông Đắk S'Nghé	Tác động	S _{DL1}	1613322	0583253	x	x
IX	Huyện Kon Rẫy (02 điểm)							
1	Tại sông Đắk S'Nghé cách điểm cấp nước của Nhà máy cấp nước sinh hoạt thuộc Trung tâm Dịch vụ và Môi trường đô thị huyện Kon Rẫy khoảng 200m về phía thượng lưu.	Sông Đắk S'Nghé	Tác động	S _{DL2}	1600996	0573439	x	x
2	Sông Đắk BLa cách vị trí hợp lưu với suối Đắk Năng huyện	Sông Đắk	Tác	S _{DL3}	1596430	0570391	x	x

TT	Vị trí các điểm quan trắc	Tên sông/ hồ	Loại điểm	Ký hiệu	Tọa độ		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
					X	Y		
	Kon Rẫy khoảng 400 m về phía hạ lưu.	Bla	động					
X	Thành phố Kon Tum (04 điểm)							
1	Tại hòng thu nước Nhà máy cấp nước Kon Tum.	Sông Đăk Bla	Tác động	S _{DL4}	1588542	0556593	x	x
2	Tại sông Đăk Bla cách điểm xả nước thải của Nhà máy Đường Kon Tum khoảng 1.000 m về phía hạ lưu.	Sông Đăk Bla	Tác động	S _{DL5}	1587578	0551457	x	x
3	Tại cầu Đăk Tía giữa 2 phường Nguyễn Trãi và Đoàn Kết, thành phố Kon Tum.	Suối Đăk Kia	Tác động	S _{DL6}	1585963	0551222	x	x
4	Tại khu vực Hồ Đăk Yên.	Hồ Đăk Yên	Tác động	H _{DY}	1580243	0551337		x

Bảng 2. Vị trí quan trắc môi trường nước dưới đất

TT	Vị trí các điểm quan trắc	Loại điểm	Ký hiệu	Tọa độ		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
				X	Y		
I	Huyện Đắk Glei (01 điểm)						
1	Giếng nhà dân tại thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei.	Tác động	G ₁	1667220	0525733	x	x
II	Huyện Ngọc Hồi (02 điểm)						
1	Giếng nhà dân tại thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi.	Tác động	G ₂	1626268	0519601	x	x
2	Giếng nhà dân thuộc thôn Hào Phú, xã Đắk Kan, huyện Ngọc Hồi.	Tác động	G ₃	1619833	0519135	x	x
IV	Huyện Tu Mơ Rông (01 điểm)						
1	Giếng nhà dân thuộc thôn Mô Pả, xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông.	Tác động	G ₄	1637035	0547527	x	x
V	Huyện Đắk Tô (01 điểm)						
1	Giếng nhà dân tại thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô.	Tác động	G ₅	1620535	0536649	x	x
X	Huyện Đắk Hà (01 điểm)						
1	Giếng nhà dân tại thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà.	Tác động	G ₆	1603579	0545393	x	x
VI	Huyện Sa Thầy (02 điểm)						
1	Giếng nhà dân tại thôn 1, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy.	Tác động	G ₇	1593145	0532275	x	x
2	Giếng nước Đội sản xuất số 1 của Công ty TNHH MTV 78 (hạ lưu vùng dự án chăn nuôi bò sữa của Công ty CP bò sữa nông nghiệp công nghệ cao Kon Tum).	Tác động	G ₁₄	1589801	0502806		x
VII	Huyện Ia H'Drai (02 điểm)						
1	Giếng nhà dân phía sau trụ sở UBND huyện Ia H'Drai.	Tác động	G ₈	1559922	0495042	x	x
2	Giếng nhà dân nằm trong khu quy hoạch dân cư thuộc thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai gần trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai.	Tác động	G ₁₅	1559315	0494756		x
VIII	Huyện Kon Plông (01 điểm)						

TT	Vị trí các điểm quan trắc	Loại điểm	Ký hiệu	Tọa độ		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
				X	Y		
1	Giếng nhà dân tại thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông.	Tác động	G ₉	1614993	0585808	x	x
IX	Huyện Kon Rẫy (01 điểm)						
1	Giếng nhà dân thôn 9, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy (gần khu vực chợ).	Tác động	G ₁₀	1599754	0571901	x	x
X	Thành phố Kon Tum (03 điểm)						
1	Giếng nhà dân thuộc phường Quang Trung.	Tác động	G ₁₁	1587948	0553335	x	x
2	Giếng nhà dân thuộc Tổ 4, phường Lê Lợi - gần Khu công nghiệp Hòa Bình.	Tác động	G ₁₂	1584238	0552652	x	x
3	Giếng nhà dân tại phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum.	Tác động	G ₁₃	1586803	0553884	x	x

Bảng 3. Vị trí quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

TT	Vị trí các điểm quan trắc	Hoạt động	Loại điểm	Ký hiệu	Tọa độ		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
					X	Y		
I	Huyện Đắk Glei (01 điểm)							
1	Trước cổng UBND huyện Đắk Glei đường Hùng Vương, thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei.	Giao thông	Tác động	K ₁	1667664	0525697	x	x
II	Huyện Ngọc Hồi (03 điểm)							
1	Tại ngã tư đường Hồ Chí Minh và QL 14C, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi.	Giao thông	Tác động	K ₂	1626347	0519814	x	x
2	Tại khu vực dân cư gần cổng vào thôn Nông Nhảy II, xã Đắk Nông, huyện Ngọc Hồi gần khu vực Nhà máy tinh bột sắn Kon Tum, Nhà máy cao su Ngọc Hồi, Nhà máy cao su Đại Lợi.	Công nghiệp	Tác động	K ₃	1630623	0520003	x	x
3	Tại khu dân cư cách khu vực Nhà máy chế biến mủ cao su Thuận Lợi, thôn 5, thị trấn Plei Kần khoảng 1.500 m về phía Tây Bắc.	Công nghiệp	Tác động	K ₄	1624437	0523187	x	x
III	Huyện Tu Mơ Rông (01 điểm)							
1	Tại trung tâm hành chính huyện Tu Mơ Rông.	Phát triển đô thị	Tác động	K ₅	1639194	0547816	x	x
IV	Huyện Đắk Tô (02 điểm)							
1	Trước UBND thị trấn Đắk Tô đường Hùng Vương, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô.	Giao thông	Tác động	K ₆	1620515	0536676	x	x
2	Khu dân cư xung quanh bãi xử lý rác thải tập trung huyện Đắk Tô, cách khu vực xử lý khoảng 01 km.	Xử lý chất thải	Tác động	K ₇	1621143	0533246	x	x
V	Huyện Đắk Hà (02 điểm)							
1	Xung quanh Cụm công nghiệp Đắk La.	Công nghiệp	Tác động	K ₈	1596887	0549277	x	x
2	Xung quanh Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề thị trấn Đắk Hà.	Công nghiệp	Tác động	K ₉	1604975	0544369	x	x

TT	Vị trí các điểm quan trắc	Hoạt động	Loại điểm	Ký hiệu	Tọa độ		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
					X	Y		
VI	Huyện Sa Thầy (02 điểm)							
1	Trước chợ thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	Phát triển đô thị	Tác động	K ₁₀	1593465	0531892	x	x
2	Ngã ba Quốc lộ 14C và đường vào dự án chăn nuôi bò sữa của Công ty CP bò sữa nông nghiệp công nghệ cao Kon Tum.	Giao thông	Tác động	K ₂₁	1590204	0504951		x
VII	Huyện Ia H'Drai (02 điểm)							
1	Trước chợ trung tâm huyện Ia H'Drai.	Phát triển đô thị	Tác động	K ₁₁	1560177	0494886	x	x
2	Trên trục đường Quốc lộ 14C tại ngã ba đường tuần tra biên giới (gần trụ sở Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray).	Giao thông liên tỉnh	Tác động	K ₂₂	1549347	0495446		x
VIII	Huyện Kon Plông (02 điểm)							
1	Tại trung tâm thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông (Ngã ba giao nhau giữa đường QL 24 và tỉnh lộ 676).	Phát triển đô thị	Tác động	K ₁₂	1614531	0584828	x	x
2	Tại khu vực xã Măng Bút cách khu dân cư gần nhất khoảng 500 m về phía Bắc.	Môi trường tự nhiên	Điểm nền	K ₁₃	1651499	0569410	x	x
IX	Huyện Kon Rẫy (01 điểm)							
1	Tại Ngã 3 chợ thôn 9, xã Đăk Ruông (gần Trung tâm hành chính mới huyện Kon Rẫy).	Phát triển đô thị	Tác động	K ₁₄	1599768	0571908	x	x
X	Thành phố Kon Tum (06 điểm)							
1	Khu dân cư cách khu công nghiệp Sao Mai khoảng 700 m về phía Đông Bắc.	Công nghiệp	Tác động	K ₁₅	1578463	0552749	x	x
2	Khu dân cư tiếp giáp tường rào Khu công nghiệp Hòa Bình về phía Nam.	Công nghiệp	Tác động	K ₁₆	1584024	0552150	x	x
3	Tại ngã tư chợ Kon Tum giao giữa đường Trần Hưng Đạo và Hoàng Văn Thụ.	Dân cư	Tác động	K ₁₇	1587042	0554095	x	x
4	Tại ngã tư Bà Triệu - Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum.	Giao thông nội thị	Tác động	K ₁₈	1587665	0553751	x	x

TT	Vị trí các điểm quan trắc	Hoạt động	Loại điểm	Ký hiệu	Tọa độ		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
					X	Y		
5	Tại khu vực Vòng xoay Đăk Cấm, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	Giao thông nội thị	Tác động	K ₁₉	1589892	0554714	x	x
6	Tại Ngã 3 đường Quốc lộ 14 giao với đường tránh phía Đông thành phố	Giao thông	Tác động	K ₂₀	1594570	0550609	x	x

Bảng 4. Vị trí quan trắc môi trường đất

TT	Vị trí các điểm quan trắc	Hoạt động	Loại điểm	Ký hiệu	Tọa độ		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
					X	Y		
I	Huyện Đắk Glei (01 điểm)							
1	Tại huyện Đắk Glei (Vị trí đất trồng cao su).	Nông nghiệp	Tác động	Đ ₁	1647477	0521729	x	x
II	Huyện Ngọc Hồi (01 điểm)							
1	Tại huyện Ngọc Hồi (Tại khu vực Cụm Công nghiệp TTCN xã Đắk Xú, huyện Ngọc Hồi.).	Công nghiệp	Tác động	Đ ₂	1616001	0519559	x	x
III	Huyện Tu Mơ Rông (01 điểm)							
1	Tại khu vực dự kiến xây dựng Cụm công nghiệp huyện Tu Mơ Rông.	Công nghiệp	Tác động	Đ ₉	1635846	0547277		x
IV	Huyện Đắk Tô (01 điểm)							
1	Tại khu vực Cụm CN và dịch vụ 24/4 huyện Đắk Tô.	Công nghiệp	Tác động	Đ ₃	1618202	0536828	x	x
V	Huyện Đắk Hà (01 điểm)							
1	Tại khu CCN - TTCN, làng nghề thị trấn Đắk Hà.	Công nghiệp	Tác động	Đ ₄	1605016	0544630	x	x
VI	Huyện Sa Thầy (01 điểm)							
1	Tại huyện Sa Thầy (Vị trí đất trồng cao su).	Nông nghiệp	Tác động	Đ ₅	1590531	0530030	x	x
VII	Huyện Ia H'Drai (01 điểm)							
1	Tại huyện Ia H'Drai (Vị trí đất trồng cao su).	Nông nghiệp	Tác động	Đ ₆	1563703	0495934	x	x
VIII	Huyện Kon Plông (01 điểm)							
1	Tại khu vực Dự án Đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp VinEco Kon Tum – Măng Đen, xã Măng Cảnh và xã Đắk Long, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.	Nông nghiệp	Tác động	Đ ₇	1617936	0580594	x	x
IX	Thành phố Kon Tum (01 điểm)							
1	Mẫu đất lấy tại phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum.	Nông nghiệp	Tác động	Đ ₈	1587978	0556694	x	x